

Nội dung bài viết

1. [Bài 1 trang 39 Tập bản đồ Địa Lí 11](#)
2. [Bài 2 trang 39 Tập bản đồ Địa Lí 11](#)
3. [Bài 3 trang 40 Tập bản đồ Địa Lí 11](#)
4. [Bài 4 trang 40 Tập bản đồ Địa Lí 11](#)

Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo ngay hướng dẫn **giải bài tập bản đồ Địa Lí 11 Bài 9: Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế** được đội chúng tôi biên soạn đầy đủ và chi tiết nhất tại đây.

**Bài 1 trang 39 Tập bản đồ Địa Lí 11**

Quan sát lược đồ dưới đây, em hãy xác định và tô màu lãnh thổ Nhật Bản? Điền tên 4 đảo lớn, tên biển bao quanh và tên các nước có đường biên giới trên biển chung với Nhật Bản?:

**Lời giải:**



**Bài 2 trang 39 Tập bản đồ Địa Lí 11**

Phân tích những thuận lợi và khó khăn của Nhật Bản để phát triển kinh tế theo dàn ý trong bảng sau:

**Lời giải:**

|                 |  |   |
|-----------------|--|---|
|                 | <b>Đặc điểm</b>                              | <b>Phân tích</b>  |
| <b>Địa hình</b> | - Gồm 4 đảo lớn, địa hình chủ yếu là đồi núi | - Đồng bằng đất đai màu mỡ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.  |
|                 | - Dải đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.            | - Bờ biển: dài (khoảng 29750km), bị chia cắt tạo thành nhiều vịnh, thuận lợi cho xây dựng hải cảng, tàu bè trú ngụ. |
| <b>Khí hậu</b>  | - Khí hậu gió mùa, mưa nhiều.                | - Diện tích đất nông nghiệp ít 4,2 triệu ha=> thâm canh, canh tác trên sườn núi.                                    |
|                 |  | - Khí hậu phân hóa đa dạng tạo điều kiện cho  |

|            |   |   |
|------------|---|---|
|            | - Phía Bắc khí hậu ôn đới, mùa đông đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết. |   |
|            | - Phía nam khí hậu cận nhiệt đới.   | - Thảm họa động đất, sóng thần, bão nhiệt đới, bão tuyết                                    |
| Vùng biển  | Tại các vùng biển quanh quần đảo Nhật Bản có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.                     | Tạo nên những ngư trường lớn giàu tôm, cá....   |
| Khoáng sản | Đất nước nghèo khoáng sản.  | Không thuận lợi cho công nghiệp khai khoáng, phải mất chi phí lớn cho nhập khẩu khoáng sản. |

### Bài 3 trang 40 Tập bản đồ Địa Lí 11

Dựa vào biểu đồ dưới đây và nội dung SGK, em hãy:

#### Lời giải:

#### Cho biết xu hướng biến động của nhóm dân số dưới 15 tuổi

Tỉ lệ dưới độ tuổi lao động ngày càng ít (năm 1970: 23,9%; năm 1997: 15,3%; năm 2005: 13,9%).

#### Cho biết xu hướng biến động của nhóm dân số từ 15 đến 64 tuổi.

Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động đang có xu hướng giảm do tỉ lệ nguồn lao động bổ sung ngày càng thấp.

#### Cho biết xu hướng biến động của nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên.

Tỉ lệ người trên độ tuổi lao động ngày càng lớn (năm 1970: 7,1%; năm 1997: 15,7%; năm 2005: 19,2%).

#### Nhận xét chung về xu hướng biến động dân số của Nhật Bản? Nêu ảnh hưởng của biến động dân số đối với đời sống xã hội và phát triển kinh tế?

- Cơ cấu dân số của Nhật Bản đang già hóa

- Ảnh hưởng:

+ Thiếu nguồn lao động bổ sung cho nền kinh tế.

+ Tỉ lệ người phụ thuộc lớn, chi phí phúc lợi xã hội cao.

+ Nguy cơ giảm dân số.

### Bài 4 trang 40 Tập bản đồ Địa Lí 11

Dựa vào các bảng 9.2 và 9.3 kết hợp với nội dung SGK, em hãy:

**Lời giải:**

**Thời kì 1950 – 1973, đặc điểm tốc độ phát triển kinh tế và phân tích nguyên nhân:**

- Giai đoạn 1950 – 1973: Nền kinh tế có tốc độ phát triển nhanh.

- Nguyên nhân:

+ Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghiệp.

+ Tập trung vào các ngành then chốt.

+ Duy trì cơ cấu hai tầng.

**Tóm tắt các giai đoạn phát triển kinh tế sau giai đoạn 1950 – 1973:**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm sút qua các, năm 1990 là 5,1% đến năm 2001 giảm còn 0,4%.

- Tuy nhiên, đến năm 2003, nền kinh tế có sự phát triển khá hơn, nhưng tốc độ chậm và sụt giảm vào năm 2005.

►► **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải về **Giải tập bản đồ Địa Lý 11 Bài 9: Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế** file PDF hoàn toàn miễn phí.